

Nội dung bài viết

1. [Bài tập Trắc nghiệm Unit 9 Phonetics and Speaking](#)
2. [Bài tập Trắc nghiệm Unit 9 Vocabulary and Grammar](#)
3. [Bài tập Trắc nghiệm Unit 9 Reading](#)
4. [Bài tập Trắc nghiệm Unit 9 Writing](#)

Chúng tôi xin giới thiệu các bạn học sinh bộ tài liệu giải **Bài tập trắc nghiệm Tiếng Anh 10 cũ Unit 9: Undersea World** có lời giải hay, cách trả lời ngắn gọn, đủ ý được biên soạn bởi đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm. Mời các em tham khảo tại đây.

Bài tập Trắc nghiệm Unit 9 Phonetics and Speaking

Question 1: A. ocean B. percent C. century D. balance

Hiển thị đáp án

Đáp án: **A**

Giải thích: **Đáp án A** phát âm là /f/ các đáp án còn lại phát âm là /s/

Question 2: A. analyse B. balance C. stake D. carry

Hiển thị đáp án

Đáp án: **C**

Giải thích: **Đáp án C** phát âm là /ei/ các đáp án còn lại phát âm là /æ/

Question 3: A. subumarine B. current C. mududy D. populatution

Hiển thị đáp án

Đáp án: **D**

Giải thích: **Đáp án D** phát âm là /ju/ các đáp án còn lại phát âm là /ʌ/

Question 4: A. include B. existence C. independent D. precious

Hiện thị đáp án

Đáp án: **D**

Giải thích: **Đáp án D** phát âm là /ə/ các **đáp án còn lại** phát âm là /ɪ/

Question 5: A. ocean B. health C. weather D. headache

Hiện thị đáp án

Đáp án: **A**

Giải thích: **Đáp án A** phát âm là /ə/ các **đáp án còn lại** phát âm là /e/

Question 6: A. Pacific B. Arctic C. overcome D. contribute

Hiện thị đáp án

Đáp án: **A**

Giải thích: **Đáp án A** phát âm là /c/ các **đáp án còn lại** phát âm là /k/

Question 7: A. jellyfish B. refer C. temperature D. precious

Hiện thị đáp án

Đáp án: **B**

Giải thích: **Đáp án B** phát âm là /ɪ/ các **đáp án còn lại** phát âm là /e/

Choose the letter A, B, C or D the word that has different stress pattern from others.

Question 8: A. temperature B. population C. independent D. altogether

Hiện thị đáp án

Đáp án: **A**

Giải thích: **Đáp án A** trọng âm thứ 1, các đáp án còn lại trọng âm thứ 3

Question 9: A. Indian B. century C. mystery D. overcome

Hiện thị đáp án

Đáp án: **D**

Giải thích: **Đáp án D** trọng âm thứ 3, các đáp án còn lại trọng âm thứ 1

Question 10: A. percent B. ocean C. surface D. Arctic

Hiện thị đáp án

Đáp án: **A**

Giải thích: **Đáp án A** trọng âm thứ 2, các đáp án còn lại trọng âm thứ 1

Question 11: A. beneath B. marine C. sample D. exist

Hiện thị đáp án

Đáp án: **C**

Giải thích: **Đáp án C** trọng âm thứ 1, các đáp án còn lại trọng âm thứ 2

Question 12: A. organism B. population C. contribution D. overcoming

Hiện thị đáp án

Đáp án: **A**

Giải thích: **Đáp án A** trọng âm thứ 1, các đáp án còn lại trọng âm thứ 3

Question 13: A. submarine B. introduce C. overcome D. existence

Hiện thị đáp án

Đáp án: **D**

Giải thích: **Đáp án D** trọng âm thứ 2, các đáp án còn lại trọng âm thứ 3

Question 14: A. satellite B. jellyfish C. analyse D. percentage

Hiện thị đáp án

Đáp án: **D**

Giải thích: **Đáp án D** trọng âm thứ 2, các đáp án còn lại trọng âm thứ 1

Question 15: A. temperature B. investigate C. experiment D. Antarctica

Hiện thị đáp án

Đáp án: **A**

Giải thích: **Đáp án A** trọng âm thứ 1, các đáp án còn lại trọng âm thứ 2

Bài tập Trắc nghiệm Unit 9 Vocabulary and Grammar

Question 1: I _____ smoking should be banned, especially in restaurants.

A. think B. have C. obtain D. get

Hiện thị đáp án

Đáp án: **A**

Giải thích: **cấu trúc thể hiện quan điểm “I think that...”**

Dịch: **Tôi nghĩ là hút thuốc nên bị cấm đặc biệt ở các nhà hàng.**

Question 2: A big ocean in the world is divided _____ five different parts: the Pacific, Atlantic, Indian, Antarctic and Arctic Oceans.

A. into B. on C. for D. with

Hiện thị đáp án

Đáp án: **A**

Giải thích: **cấu trúc be divided into: được chia thành**

Dịch: Một đại dương lớn trên thế giới được chia thành 5 phần khác nhau: Thái Bình Dương, Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương, Nam Băng Dương và Bắc Băng Dương.

Question 3: The director _____ for the meeting by the time I got to his office.

A. left B. had left C. leaves D. will leave

Hiện thị đáp án

Đáp án: **B**

Giải thích: **when QKD, QKHT: hành động xảy ra trước một hành động khác trong quá khứ.**

Dịch: Giám đốc đã rời đi để tham gia cuộc họp trước lúc tôi đến cơ quan của ông ấy.

Question 4: My mother told me she _____ very tired since she came back from a visit to our grandparents.

A. was B. had been C. is D. has been

Hiện thị đáp án

Đáp án: **B**

Giải thích: **HTHT since QKD, câu gián tiếp.**

Dịch: Mẹ tôi kể với tôi rằng bà đã rất mệt kể từ khi trở về từ nhà ông bà.

Question 5: I love learning about _____ life under the sea.

A. aquatic B. balanced B. boring D. long

Hiện thị đáp án

Đáp án: **A**

Giải thích: **aquatic life: sự sống dưới nước.**

Dịch: **Tôi thích học về sự sống các sinh vật dưới biển.**

Question 6: Is submarine a _____ of transport in your country?

A. distance B. depth C. means D. stake

Hiện thị đáp án

Đáp án: C

Giải thích: **means of transport: phương tiện giao thông**

Dịch: **Có phải tàu ngầm là một phương tiện giao thông ở đất nước bạn?**

Question 7: A large number of jellyfish are _____ stake due to overhunting.

A. in B. at C. on D. for

Hiện thị đáp án

Đáp án: B

Giải thích: **cụm từ at stake = in danger: bị đe dọa**

Dịch: **Một số lượng lớn những con sứa đang bị đe dọa vì săn bắt quá mức.**

Question 8: This season's _____ include five new plays and several concerts of Chinese and Indian music.

A. entertainments B. entertainer

C. to entertain D. entertaining

Hiện thị đáp án

Đáp án: A

Giải thích: **ta thấy động từ “include” ở dạng số nhiều nên chủ ngữ cũng phải là một danh từ số nhiều.**

Dịch: Các hoạt động giải trí mùa này bao gồm 5 vở kịch mới, và một vài buổi hoà nhạc Trung và nhạc Ấn.

Question 9: Oceans altogether cover 75 _____ of our Earth.

A. percent B. size C. experiment D. existence

Hiện thị đáp án

Đáp án: A

Giải thích: percent: phần trăm

Dịch: Tổng tất cả các đại dương chiếm 75% bề mặt trái đất.

Question 10: Today's scientists have overcome many of the challenges of the depth by _____ more sophisticated tools.

A. use B. to use C. used D. using

Hiện thị đáp án

Đáp án: D

Giải thích: sau be là Ving

Dịch: Các nhà khoa học ngày nay đã vượt qua nhiều thử thách bằng việc sử dụng các công cụ tinh vi hơn.

Question 11: We wish _____ to college next year.

A. go B. to go C. going D. shall go

Hiện thị đáp án

Đáp án: B

Giải thích: cấu trúc wish to do st: muốn làm gì

Dịch: Chúng tôi muốn vào đại học năm học tới.

Question 12: What should we do _____ biodiversity?

A. to maintain B. maintain C. will maintain D. maintaining

Hiện thị đáp án

Đáp án: A

Giải thích: to V chỉ mục đích

Dịch: Chúng ta nên làm gì để giữ vững cân bằng sinh thái?

Question 13: They can send submarines to take photographs of animal life and bring back to the _____ for further study.

A. satellite B. surface C. device D. sample

Hiện thị đáp án

Đáp án: B

Giải thích: surface: bề mặt nước

Dịch: Họ có thể cử tàu ngầm để chụp ảnh cuộc sống động vật và mang trở lại mặt nước để nghiên cứu sâu hơn.

Question 14: Organisms play _____ important role in keeping the nature balanced.

A. a B. the C. an D. x

Hiện thị đáp án

Đáp án: C

Giải thích: cụm từ play an important role in: đóng vai trò quan trọng trong

Dịch: Các loài vi khuẩn đóng vai trò quan trọng trong việc làm thiên nhiên cân bằng.

Question 15: They will never forget _____ the man-eating shark at the beach.

A. see B. to see C. seeing D. will see

Hiện thị đáp án

Đáp án: C

Giải thích: Forget Ving: quên đã làm gì

Dịch: Họ sẽ không bao giờ quên đã được gặp con cá mập ăn thịt người ở bãi biển.

Bài tập Trắc nghiệm Unit 9 Reading

Read the passage below and decide whether the statements are TRUE or FALSE?

Life underwater is one of the most exciting things in the world. The same is characterized by plants which exist in a wide variety, aquatic animals which are both dangerous and sober, microscopic organisms which are the basic food of the animals. Even the largest mammal in the world, the blue whale, resides in the oceans. Thus, life underwater is a part of the life on earth. The life underwater is no less rich than the life on the surface of the water or the terrestrial life. The aesthetic beauty of underwater life is one of the prominent features. Coral reefs are splendid examples of the aesthetic beauty of underwater life. These span the length which extends to kilometers at a stretch. The underwater life also provides man with a variety of minerals and other resources for consumption. Terrestrial life has certain disadvantages which are absent in the life underwater.

Question 1: Life underwater is the most exciting things in the world. The

A. True B. False

Hiện thị đáp án

Đáp án: B

Giải thích: Dựa vào câu: “Life underwater is one of the most exciting things in the world. The”.

Dịch: cuộc sống dưới nước là một trong những điều thú vị nhất trên thế giới.

Question 2: Aquatic animals are both dangerous and sober

A. True B. False

Hiện thị đáp án

Đáp án: A

Giải thích: Dựa vào câu: “The same is characterized by plants which exist in a wide variety, aquatic animals which are both dangerous and sober, microscopic organisms which are the basic food of the animals.”.

Dịch: Điều tương tự được định hình bởi thực vật đa dạng, thủy sinh vừa nguy hiểm vừa yếu ớt, sinh vật vi sinh mà là thức ăn chính của động vật

Question 3: The blue whale is the largest mammal in the world.

A. True B. False

Hiện thị đáp án

Đáp án: A

Giải thích: Dựa vào câu: “Even the largest mammal in the world, the blue whale, resides in the oceans.”.

Dịch: Ngay cả động vật lớn nhất thế giới, cá voi xanh cũng sống ở đại dương.

Question 4: The life underwater is not as rich as the life on the surface of the water or the terrestrial life.

A. True B. False

Hiện thị đáp án

Đáp án: B

Giải thích: Dựa vào câu: “The life underwater is no less rich than the life on the surface of the water or the terrestrial life.”.

Dịch: Cuộc sống dưới nước không nghèo nàn hơn trên bề mặt nước hay trên lục địa.

Question 5: Coral reefs are splendid examples of the aesthetic beauty of underwater life.

A. True B. False

Hiện thị đáp án

Đáp án: A

Giải thích: Dựa vào câu: “Coral reefs are splendid examples of the aesthetic beauty of underwater life.”.

Dịch: Rặng san hô là ví dụ sinh động cho vẻ đẹp đầy nghệ thuật của cuộc sống dưới nước.

Choose the letter A, B, C or D to complete the passage below

Approximately one-third of the Arctic Ocean is underlain by continental shelf, (6) _____ includes a broad shelf north of Eurasia and the narrower shelves of North America and Greenland. Seaward of the continental shelves lies the Arctic Basin proper, which is subdivided (7) _____ a set of three parallel ridges and four basins (also known as deeps). These features were discovered and explored in the late 1940s. The Lomonosov Ridge, the major ridge, cuts the Arctic Basin almost (8) _____ half, extending as a submarine bridge 1,800 km (1,100 mi) by Siberia to the northwestern tip of Greenland. Parallel with it (9) _____ two shorter ridges: the Alpha Ridge on the North American side, defining the Canada and Makarov basins, and the Arctic Mid-Ocean Ridge on the Eurasian side, forming the Nansen and Amundsen basins. The average (10) _____ of the Arctic Ocean is only 1,300 m (4,300 ft) because of the vast shallow expanses on the continental shelves. The deepest point in the Arctic Ocean is 5,450 m (17,880 ft).

Question 6: A. who B. what C. which D. that

Hiện thị đáp án

Đáp án: C

Giải thích: đại từ quan hệ which thay thế cho danh từ chỉ vật “continental shelf”

Dịch: Gần 1/3 Bắc Băng dương nằm dưới thềm lục địa, cái mà bao gồm 1 mảng lớn của lục địa Á Âu và mảng nhỏ hơn của Bắc Mỹ và vùng tự trị Greenland.

Question 7: A. to B. into C. with D. for

Hiện thị đáp án

Đáp án: B

Giải thích: cấu trúc be subdivided into: được chia nhỏ thành

Dịch: Nằm dưới biển sâu của thềm lục địa là lòng chảo Bắc cực, cái mà được chia nhỏ thành một hệ 3 chỏm và 4 lòng chảo.

Question 8: A. to B. in C. for D. of

Hiện thị đáp án

Đáp án: B

Giải thích: cụm từ cut st in half: tách đôi cái gì

Dịch: Sóng núi Lomonosov, sóng núi chính, gần như chia đôi lòng chảo Bắc cực, mở rộng như một cầu cầu ngầm dài 1800 km...

Question 9: A. be B. is C. are D. being

Hiện thị đáp án

Đáp án: C

Giải thích: câu đảo ngữ với tính từ đứng đầu câu, are chia theo danh từ “two shorter ridges”.

Dịch: Song song với nó là 2 sóng núi ngắn hơn: sóng núi Alpha ở phí bên Bắc Mỹ, tạo nên lòng chảo Canada và Makarov và sóng núi giữa Bắc Băng Dương ở phía lục địa Á-Âu, tạo nên lòng chảo Nansen và Amundsen.

Question 10: A. depth B. length C. birth D. teeth

Hiện thị đáp án

Đáp án: **A**

Giải thích: **depth: độ sâu**

Dịch: **Độ sâu trung bình của Bắc Băng Dương là chỉ khoảng 1,300m, vì phần mở rộng nông rộng lớn ở thềm lục địa.**

Choose the letter A, B, C or D to answer these following questions

Finding Innovative Applications of Technology

While technology, in and of itself, does not always spur innovation in the classroom, there are countless innovative ways to use technology to better teach and engage students. Here are some examples:

Robots in the Classroom – South Korean schools have experimented with robot teachers. This makes lessons more interesting and entertaining for kids and enables teachers from anywhere in the world to be “present” in the classroom.

Mobile Technology – Smartphones and other mobile devices are increasingly used in education. Mobile apps let teachers conduct digital polls, enhance verbal and presentation skills, and incorporate technological skills with core competency lessons.

3D Learning – Kids enjoy 3D games and movies, so why not use this technology to help them learn? GEMS Modern Academy in Dubai does just this, providing students with a 3D lab that offers interactive multimedia presentations.

Assisting Special Needs Students – Assistive technology is especially useful for students with learning disabilities. For example, phonetic spelling software helps dyslexic students and others with reading problems to convert words to the correct spelling.

Question 11: Are there robot teachers in South Korea?

A. Yes, there are B. No, there aren't

Hiện thị đáp án

Đáp án: **A**

Giải thích: Dựa vào câu: “Robots in the Classroom – South Korean schools have experimented with robot teachers.”.

Dịch: Người máy trong lớp học – các trường học ở Hàn Quốc đã thử nghiệm robot dạy học.

Question 12: What are the advantages of robot instructors

- A. Lessons get more exciting.
- B. Kids feel more entertaining.
- C. Children can learn lessons from faraway teachers .
- D. All are correct

Hiện thị đáp án

Đáp án: **D**

Giải thích: Dựa vào câu: “This makes lessons more interesting and entertaining for kids and enables teachers from anywhere in the world to be “present” in the classroom.”.

Dịch: Điều này làm các bài học thú vị và mang tính giải trí hơn cho học sinh và cho phép giáo viên từ mọi nơi trên thế giới “có mặt” ở lớp học.

Question 13: Which innovation helps teachers conduct digital polls?

- A. Robots
- B. Mobile apps
- C. 3D games
- D. assistive technology

Hiện thị đáp án

Đáp án: **B**

Giải thích: Dựa vào câu: “Mobile apps let teachers conduct digital polls, enhance verbal and presentation skills, and incorporate technological skills with core competency lessons.”.

Dịch: Ứng dụng điện thoại cho phép giáo viên thực hiện các bài khảo sát số, tăng cường kỹ năng giao tiếp bằng lời, kỹ năng thuyết trình, và kết hợp kỹ năng công nghệ với các bài học cơ bản.

Question 14: Which country provide students with a 3D lab that offers interactive multimedia presentations?

A. Dubai B. India C. England D. the USA

Hiện thị đáp án

Đáp án: A

Giải thích: Dựa vào câu: “GEMS Modern Academy in Dubai does just this, providing students with a 3D lab that offers interactive multimedia presentations.”.

Dịch: Viện hàn lâm hiện đại GEMS ở Dubai đã làm điều đó, cung cấp cho học sinh các phòng thí nghiệm 3D cung cấp các bài trình chiếu tương tác đa phương tiện.

Question 15: What aspect does phonetic spelling software help dyslexic students and others?

A. Writing problems B. Listening problems
C. Reading problems D. Social problems

Hiện thị đáp án

Đáp án: C

Giải thích: Dựa vào câu: “phonetic spelling software helps dyslexic students and others with reading problems to convert words to the correct spelling.”.

Dịch: Phần mềm phát âm giúp học sinh có chứng khó đọc và những học sinh khác các vấn đề về đọc để chuyển tự ngữ thành đúng chính tả.

Bài tập Trắc nghiệm Unit 9 Writing

Question 1: If Europe fails to agree on this, we can tell goodbye to any common foreign policy.

A. If B. to agree C. tell D. common

Hiện thị đáp án

Đáp án: C

Giải thích: sửa tell ⇒ say

Cụm từ say goodbye: nói lời tạm biệt

Dịch: Nếu Châu Âu không đồng ý được vấn đề này, chúng ta sẽ phải tạm biệt mất kì chính sách ngoại giao nào.

Question 2: They were wondering where to hold the office party and I recommend the Italian restaurant near the station.

A. were wondering B. to hold C. recommend D. near

Hiện thị đáp án

Đáp án:

Giải thích:

Dịch:

Question 3: In order that training be efficient, there must be targeted system.

A. In order that B. be C. there D. system

Hiện thị đáp án

Đáp án: B

Giải thích: sửa be ⇒ is

Dịch: Để cho việc đào tạo trở nên có hiệu quả, phải có hệ thống có định hướng.

Question 4: We ought have come to the ballet. It was exciting.

A. ought B. to C. It D. exciting

Hiện thị đáp án

Đáp án: **A**

Giải thích: sửa **ought** ⇒ **should**

Cấu trúc should have P2: lẽ ra nên làm gì

Dịch: **Chúng ta lẽ ra nên đến bữa tiệc, nó vui lắm.**

Question 5: Do you know what do they need their own laptop for?

A. know B. what C. do D. for

Hiện thị đáp án

Đáp án: **C**

Giải thích: **bỏ do**

Dịch: **Bạn có biết có cần laptop riêng làm gì không?**

Choose the letter A, B, C or D to complete the sentences with given words

Question 6: How many/ picture/ there/ wall?

A. How many pictures is there in the wall?

B. How many pictures are there on the wall?

C. How many picture is there on the wall?

D. How many picture are there in the wall?

Hiện thị đáp án

Đáp án: **B**

Giải thích: **cấu trúc “how many + Ns + are there + in/ on the + N?”: có bao nhiêu**

On the wall: ở trên tường

Dịch: Có bao nhiêu bức tranh ở trên tường?

Question 7: This/ department store/ to the left/ post office.

A. This department store is to the left of the post office.

B. This department store to the left the post office.

C. This department store is to the left the post office.

D. This department store to the left of the post office.

Hiện thị đáp án

Đáp án: A

Giải thích: **To the left of:** về phía bên trái của

Dịch: Cửa hàng bách hoá này nằm phía bên trái của bưu điện.

Question 8: He/ usually/ go/ herd/ buffaloes/ other boys/ village.

A. He usually goes herding buffaloes with other boys in village.

B. He usually go herding buffaloes with other boys in village.

C. He usually goes herding buffaloes with other boys in the village.

D. He usually go herding buffaloes with other boys in the village.

Hiện thị đáp án

Đáp án: C

Giải thích: **chủ ngữ he số ít nên động từ chia số ít**

Go herding buffaloes: đi chăn trâu

Dịch: Anh ấy thường đi chăn trâu với bạn đồng trang lứa ở ngôi làng.

Question 9: City/ children/ have/ more/ interesting life/ country ones.

- A. City children have more interesting life than country ones.
- B. City children have more interesting life country ones.
- C. City children has more interesting life than country ones.
- D. City children has more interesting life country ones.

Hiện thị đáp án

Đáp án: **A**

Giải thích: **câu so sánh hơn với tính từ dài “S + be + more + adj dài + than”**

Dịch: **Trẻ em thành phố có cuộc đời thú vị hơn trẻ nông thôn.**

Question 10: My friend/ never/ ride/ horse/ before.

- A. My friend never ridden a horse before.
- B. My friend never rode a horse before.
- C. My friend has never ridden a horse before.
- D. My friend had never ridden a horse before.

Hiện thị đáp án

Đáp án: **C**

Giải thích: **câu chia thời hiện tại hoàn thành với mốc thời gian “never”**

Dịch: **Bạn tôi chưa từng cưỡi ngựa trước đây.**

Rewrite sentences without changing the meaning

Question 11: Interacting with friends through the internet is fun.

- A. It's fun to interact with friends through the internet.

B. Interacting with friends through the internet is boring.

C. To interact with friends through the internet no fun.

D. There is fun interacting with friends through the internet.

Hiển thị đáp án

Đáp án: A

Giải thích: cấu trúc “it’s + adj + to V”

Dịch: Tương tác với bạn bè qua mạng thì rất thú vị.

Question 12: It’s required that you have to follow netiquettes in this chat room.

A. You must follow netiquettes in this chat room.

B. You need follow netiquettes in this chat room.

C. You can follow netiquettes in this chat room.

D. You should follow netiquettes in this chat room.

Hiển thị đáp án

Đáp án: A

Giải thích: must + V: bắt buộc phải làm gì

Dịch: Bạn bắt buộc phải tuân theo quy tắc ứng xử trên mạng khi ở trong phòng chat này.

Question 13: I do judo every Tuesday and Thursday.

A. I do judo three times a week.

B. I do judo once a week.

C. I do judo twice a week.

D. I do judo four times a week.

Hiện thị đáp án

Đáp án: C

Giải thích: **twice: 2 lần**

Dịch: **Tôi tập nhu đạo 2 lần 1 tuần.**

Question 14: He is a good football player.

A. He can't play football

B. He isn't good at football.

C. He love playing football.

D. He plays football well.

Hiện thị đáp án

Đáp án: D

Giải thích: **chuyển đổi các cặp tính từ - danh từ và động từ - trạng từ**

Dịch: **Anh ấy chơi bóng tốt.**

Question 15: My brother is a fast runner.

A. My brother runs fast.

B. My brother runs fastly.

C. My brother ran fast.

D. My brother ran fastly.

Hiện thị đáp án

Đáp án: A

Giải thích: **fast (adv): nhanh**

Dịch: Anh trai tôi chạy nhanh.

▶▶ **CLICK NGAY** vào nút **TẢI VỀ** dưới đây để download giải **Bài tập trắc nghiệm Tiếng Anh 10 cũ Unit 9: Undersea World** chi tiết bản file pdf hoàn toàn miễn phí từ chúng tôi.